

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 47/2025/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 01 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc Quy định phân cấp, phân công trách nhiệm trong lĩnh vực
quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Thủ đô ngày 28 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 153/2024/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với khí thải;

Căn cứ Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực môi trường và biến đổi khí hậu;

Căn cứ Thông tư số 19/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về Nông nghiệp và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 593/TTr-SNNMT ngày 16 tháng 7 năm 2025.

Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Quyết định về việc Quy định phân cấp, phân công trách nhiệm trong lĩnh vực quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân cấp, phân công trách nhiệm trong lĩnh vực quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Quyết định số 33/2017/QĐ-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố về phân cấp thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội hết hiệu lực kể từ thời điểm Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Thủ trưởng các sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và Thủ trưởng các đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Sỹ Thanh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Phân cấp, phân công trách nhiệm trong lĩnh vực quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 47/2025/QĐ-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2025
của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định phân cấp, phân công trách nhiệm quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn Thành phố trong các lĩnh vực: thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, khí thải công nghiệp; kiểm soát nguồn thải, nguồn ô nhiễm môi trường; kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị về bảo vệ môi trường và xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân các cấp, gồm:
 - a) Cấp Thành phố: Sở Nông nghiệp và Môi trường.
 - b) Cấp xã: phòng Kinh tế (đối với xã) hoặc phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường).
2. Ủy ban nhân dân các xã, phường.
3. Các tổ chức, cá nhân có liên quan.
4. Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trực tiếp đối với các khu công nghệ cao và khu công nghiệp theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân các cấp trong công tác quản lý nhà nước về môi trường tại các khu công nghệ cao và khu công nghiệp trên địa bàn Thành phố.

Điều 3. Phân cấp đối tượng quản lý

1. Thẩm quyền quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường, gồm: nguồn thải, nguồn ô nhiễm môi trường từ các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường quy định tại Điều 39, Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và khoản 1 Điều 26 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ, trừ các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân cấp xã, gồm: các nguồn thải, nguồn ô nhiễm môi trường từ các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn thuộc các trường hợp sau đây:

a) Các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thuộc đối tượng đăng ký môi trường theo quy định tại Điều 49 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và khoản 1 Điều 29 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.

b) Các cơ sở hoạt động trong cụm công nghiệp;

c) Các cơ sở y tế (không bao gồm bệnh viện), trường học;

d) Các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có quy mô hộ gia đình, cá nhân tại khu vực nông thôn;

đ) Các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tại khu vực làng nghề;

e) Các khu vực công cộng: công viên, khu vui chơi, giải trí, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, chợ, nhà ga, bến xe, bến tàu, bến cảng, bến phà, nhà hàng (không bao gồm khách sạn) và các khu vực công cộng khác.

g) Các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có quy mô hộ gia đình, cá nhân có phát sinh nước thải được xả trực tiếp vào môi trường nước mặt, bao gồm: sông, suối, ao, hồ, kênh, mương trong phạm vi địa bàn 01 (một) xã, phường.

h) Các cơ sở khác có hoạt động trên địa bàn xã, phường.

3. Trường hợp nguồn thải, nguồn ô nhiễm môi trường từ các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có phạm vi địa bàn nằm từ 02 (hai) xã, phường trở lên thì đối tượng quản lý được phân cấp theo khoản 2 Điều này; thẩm quyền quản lý thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã được xác định thuộc một trong các trường hợp sau theo trật tự ưu tiên từ điểm a đến c như sau :

a) Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tiếp nhận đăng ký môi trường của cơ sở.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã theo địa điểm đăng ký hoạt động của cơ sở.

c) Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có vị trí xả thải nước thải của cơ sở vào môi trường tiếp nhận.

Điều 4. Phân công trách nhiệm trong lĩnh vực thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, khí thải công nghiệp

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức thu phí bảo vệ môi trường đối với các đối tượng quản lý được phân cấp tại khoản 1 Điều 3 Quy định này thuộc đối tượng chịu phí quy định khoản 2 Điều 2 Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải và khoản 1 Điều 3 Nghị định số 153/2024/NĐ-CP ngày 21/11/2024 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với khí thải.

2. Phòng Kinh tế (đối với xã) hoặc phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường) thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thu phí bảo vệ môi trường đối với các trường hợp khác thuộc đối tượng chịu phí theo quy định.

3. Định kỳ hàng năm, Phòng Kinh tế (đối với xã) hoặc phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường) rà soát, cập nhật, bổ sung danh sách đối tượng chịu phí tại địa phương báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã và gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường để điều chỉnh phân loại đối tượng chịu phí trên địa bàn Thành phố.

Điều 5. Phân công trách nhiệm trong lĩnh vực kiểm soát nguồn thải, nguồn ô nhiễm môi trường

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm sau:

a) Tổ chức thống kê, quản lý, kiểm soát nguồn thải, nguồn ô nhiễm môi trường đối với các đối tượng quản lý được phân cấp tại khoản 1 Điều 3 Quy định này theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

b) Tổng hợp và xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin về nguồn thải, nguồn ô nhiễm môi trường của toàn Thành phố.

c) Tổng hợp và xây dựng kế hoạch, chương trình, đề án, dự án về bảo vệ môi trường của Thành phố; tổng hợp báo cáo công tác bảo vệ môi trường của Thành phố hàng năm theo quy định.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm sau:

a) Tổ chức thống kê, quản lý, kiểm soát nguồn thải, nguồn ô nhiễm môi trường đối với các đối tượng quản lý được phân cấp tại khoản 2 Điều 3 Quy định này trên địa bàn theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

b) Xây dựng kế hoạch, chương trình, đề án, dự án về bảo vệ môi trường của địa phương; tổng hợp báo cáo công tác bảo vệ môi trường của cấp xã hàng năm theo quy định.

Điều 6. Phân công trách nhiệm trong lĩnh vực kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị về bảo vệ môi trường và xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm sau:

a) Xây dựng và phê duyệt kế hoạch kiểm tra định kỳ việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các đối tượng quản lý được phân cấp tại khoản 1 Điều 3 Quy định này theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 163 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 54 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025).

b) Tổ chức kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường, kiểm tra đột xuất đối với các đối tượng quản lý được phân cấp theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 160 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Điều 163 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 54 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025); xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường theo thẩm quyền; kiến nghị cơ quan có thẩm quyền hoặc báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định xử lý vi phạm trong trường hợp vượt thẩm quyền.

c) Chủ trì tổng hợp kết quả kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn toàn Thành phố.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm sau:

a) Xây dựng và phê duyệt kế hoạch kiểm tra định kỳ việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn đối với các đối tượng quản lý được phân cấp tại khoản 2 Điều 3 Quy định này theo quy định tại điểm đ và điểm e khoản 1 Điều 160 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và điểm đ khoản 3 Điều 163 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 54 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025); gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 10 tháng 01 hàng năm.

b) Tổ chức kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường, kiểm tra đột xuất đối với các đối tượng quản lý được phân cấp theo quy định và xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường theo thẩm quyền; kiến nghị cơ quan có thẩm quyền hoặc báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định xử lý vi phạm trong trường hợp vượt thẩm quyền.

c) Báo cáo kết quả kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, theo dõi trước ngày 20 tháng 12 hàng năm.

d) Giám sát, hậu kiểm việc chấp hành các yêu cầu, kết luận, kiến nghị về kiểm tra, xử lý vi phạm và khắc phục ô nhiễm môi trường của các đoàn kiểm tra môi trường hoặc theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

3. Kế hoạch kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường của các cơ quan có chức năng kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường trực thuộc Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn Thành phố phải bảo đảm không chồng chéo, trùng lặp đối tượng kiểm tra với kế hoạch kiểm tra của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, của Ủy ban nhân dân cấp trên và giữa các cơ quan cùng cấp; trừ trường hợp thực hiện kiểm tra đột xuất theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Cơ chế phối hợp trong hoạt động kiểm tra, kiểm soát nguồn thải, nguồn ô nhiễm môi trường

1. Việc kiểm tra, kiểm soát nguồn thải, nguồn ô nhiễm môi trường; tiếp nhận thông tin cảnh báo về chất lượng môi trường tại địa phương phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan chuyên môn cấp Thành phố, giữa các cơ quan chuyên môn cấp Thành phố với cấp xã và giữa các cơ quan chuyên môn cấp xã trong quá trình giải quyết công việc; đảm bảo không chồng chéo, không làm ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ bình thường của tổ chức, cá nhân theo quy định tại khoản 4 Điều 160 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 164 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Chủ trì kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị về bảo vệ môi trường đối với các đối tượng quản lý được phân cấp tại khoản 1 Điều 3 Quy định này theo thẩm quyền và khi có kiến nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã trong trường hợp vượt quá thẩm quyền giải quyết của cấp xã.

b) Thiết lập hệ thống đường dây thông tin, liên lạc trực tiếp giữa Sở Nông nghiệp và Môi trường với Ủy ban nhân dân cấp xã trong phối hợp tiếp nhận và xử lý các vấn đề môi trường tại địa phương; thiết lập đầu mối tiếp nhận thông tin tại cả hai cấp, quy định thời gian phản hồi và phương thức xử lý rõ ràng.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Thường xuyên theo dõi, giám sát và phát hiện kịp thời các nguồn thải có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường tại địa phương; chủ động xử lý theo thẩm quyền hoặc xử lý bước đầu (ngăn chặn nguy cơ lan tràn) các nguồn thải ngay khi phát hiện có nguy cơ xảy ra sự cố môi trường. Kịp thời thông tin, báo cáo đến Sở Nông nghiệp và Môi trường để chỉ đạo và phối hợp giải quyết trong trường hợp vượt thẩm quyền.

b) Tổ chức kiểm tra, xác minh và xử lý các thông tin phản ánh về môi trường của cơ quan báo chí và người dân; kiểm tra, giải quyết các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị về bảo vệ môi trường trên địa bàn hoặc theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường; báo cáo kết quả giải quyết về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp chung.

c) Cử cán bộ tham gia các đoàn kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn theo yêu cầu của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

d) Cử cán bộ đầu mối, có trách nhiệm chuyên trách tham gia đường dây thông tin, thường xuyên duy trì liên lạc để phối hợp giải quyết kịp thời các vấn đề môi trường tại địa phương khi có yêu cầu của Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc chủ động giải quyết công việc theo thẩm quyền.

đ) Ủy ban nhân dân xã có thẩm quyền quản lý đối với đối tượng quy định tại khoản 3 Điều 3 Quy định này, có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã, phường có liên quan để tổ chức kiểm tra, kiểm soát các nguồn thải, nguồn ô nhiễm môi trường nằm trên địa bàn liên xã, phường và thực hiện trách nhiệm của đơn vị chủ trì theo quy định tại Điều 6 và Điều 7 Quy định này.

4. Các trường hợp kiểm tra theo khiếu nại, tố cáo, kiến nghị hoặc phản ánh về môi trường của cơ quan báo chí, người dân được thực hiện theo quy trình kiểm tra đột xuất theo điểm a khoản 3 Điều 160 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các quy định của pháp luật về giải quyết khiếu nại, tố cáo.

5. Trong trường hợp tại cùng một thời điểm, có sự chồng chéo, trùng lặp giữa hoạt động thanh tra, kiểm tra trên địa bàn; cơ quan tiến hành thanh tra và cơ quan thực hiện kiểm tra phối hợp để xử lý; trường hợp không thống nhất được thì cơ quan thanh tra tiến hành thanh tra.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm sau đây:

a) Tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao tại Quy định này; chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn tại Quy định này. Trường hợp phát sinh vướng mắc, bất cập trong quá trình triển khai thi hành, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố để kịp thời xử lý, tháo gỡ.

b) Chỉ đạo và hướng dẫn chuyên môn, nhiệm vụ trọng tâm trong hoạt động bảo vệ môi trường trên địa bàn Thành phố; xây dựng dự toán từ nguồn chi sự nghiệp môi trường để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường thuộc trách nhiệm được giao theo phân cấp ngân sách hiện hành.

c) Chỉ đạo và hướng dẫn ứng dụng công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo AI để xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin, báo cáo về nguồn thải, nguồn ô nhiễm môi trường (thiết kế dạng platform báo cáo); quy định cụ thể danh mục, tài liệu quản lý dạng bản điện tử được thực hiện lưu giữ trên hệ thống cơ sở dữ liệu, làm cơ sở thực hiện kiểm tra, giám sát theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Trên cơ sở tổng hợp, đề xuất của Sở Nông nghiệp và Môi trường và các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan, Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định bố trí kinh phí giao các đơn vị triển khai thực hiện Quyết định từ nguồn kinh phí chi thường xuyên ngân sách cấp Thành phố theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định có liên quan.

3. Thanh tra Thành phố có trách nhiệm sau đây:

a) Hướng dẫn thực hiện việc xử lý đơn khiếu nại, tố cáo; giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

b) Theo đối tượng quản lý được phân cấp tại Điều 3 Quy định này, gửi văn bản đề nghị cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân các cấp phối hợp để nâng cao hiệu quả hoạt động thanh tra hoặc cử người có chuyên môn phù hợp tham gia Đoàn thanh tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường khi cần thiết.

4. Công an Thành phố có trách nhiệm sau đây:

a) Đảm bảo cơ chế phối hợp giữa lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, môi trường (Cảnh sát kinh tế) với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân các cấp trong kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

b) Theo đối tượng quản lý được phân cấp tại Điều 3 Quy định này, gửi văn bản đề nghị cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân các cấp cử người có chuyên môn phù hợp tham gia phối hợp trong quá trình triển khai hoạt động kiểm tra về bảo vệ môi trường theo thẩm quyền.

c) Trước ngày 20 tháng 12 hằng năm, gửi văn bản tổng hợp kết quả kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường đến Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, theo dõi.

5. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm sau đây:

a) Tổ chức thực hiện nhiệm vụ được phân cấp, phân công tại Quy định này; phối hợp chặt chẽ với các cơ quan liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện, báo cáo kịp thời các cơ quan chuyên môn cấp Thành phố và Ủy ban nhân dân Thành phố những khó khăn, vướng mắc, bất cập để được hướng dẫn, chỉ đạo giải quyết.

b) Thực hiện các nhiệm vụ về bảo vệ môi trường khác do Ủy ban nhân dân Thành phố giao, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp hoặc cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường trên địa bàn xã, phường theo phân cấp ngân sách hiện hành.

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Quy định này được bổ sung, sửa đổi hoặc thay thế bằng các văn bản khác thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu phát sinh vướng mắc, khó khăn cần sửa đổi, bổ sung Quy định này để phù hợp, Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định./.